

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 90/2014/NQ-HĐND

Hà Tĩnh, ngày 16 tháng 7 năm 2014

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định một số chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn thực hiện Tái cơ cấu ngành nông nghiệp Hà Tĩnh theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, gắn với xây dựng nông thôn mới

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH
KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ 9**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020;

Căn cứ Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10 tháng 6 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững;

Căn cứ Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25 tháng 10 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn;

Xét Tờ trình số 252/TTr-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2014 của UBND tỉnh về việc đề nghị ban hành Quy định một số chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn thực hiện Tái cơ cấu ngành nông nghiệp Hà Tĩnh theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, gắn với xây dựng nông thôn mới; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành Quy định một số chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn thực hiện Tái cơ cấu ngành nông nghiệp Hà Tĩnh theo hướng

nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, gắn với xây dựng nông thôn mới (có Quy định cụ thể kèm theo).

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh Khóa XVI, Kỳ họp thứ 9 thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu UBTVQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ, Website Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Kiểm toán nhà nước khu vực II;
- Bộ Tư lệnh Quân khu IV;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh uỷ, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội đoàn Hà Tĩnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh uỷ;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Trung tâm T.Tin VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Trung tâm Công báo - tin học VP UBND tỉnh;
- Trang thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Bình

QUY ĐỊNH

**Một số chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn thực hiện
Tái cơ cấu ngành nông nghiệp Hà Tĩnh theo hướng nâng cao giá trị gia tăng
và phát triển bền vững, gắn với xây dựng nông thôn mới**
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 90/2014/NQ-HĐND
ngày 16 tháng 7 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh)

Phần I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng và giải thích từ ngữ

1. Phạm vi điều chỉnh: Các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

2. Đối tượng áp dụng: Các tổ chức (doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác), hộ gia đình, cá nhân, trang trại sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn toàn tỉnh.

3. Giải thích từ ngữ:

Trong Quy định này một số thuật ngữ được hiểu như sau:

- “Khảo nghiệm giống cây trồng mới” là quá trình theo dõi, đánh giá nhằm xác định tính khác biệt, tính đồng nhất, tính ổn định, giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống cây trồng trong điều kiện và thời gian nhất định.

- “Bản quyền giống mới” là quyền của tổ chức, cá nhân đối với giống cây trồng mới do mình chọn tạo hoặc phát hiện và phát triển, hoặc được hưởng quyền sở hữu.

- “Cây đầu dòng” là cây có năng suất, chất lượng cao và ổn định, tính chống chịu tốt hơn hẳn các cây khác trong quần thể một giống (giống địa phương, giống mới chọn tạo, giống nhập nội) được cơ quan có thẩm quyền bình tuyển và công nhận để làm nguồn vật liệu nhân giống.

- “Vườn cây đầu dòng” là vườn cây được nhân bằng phương pháp vô tính từ cây đầu dòng; được cơ quan có thẩm quyền thẩm định và công nhận để làm nguồn vật liệu nhân giống.

- “VietGAP” là quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt theo tiêu chuẩn Việt Nam.

- “VietGAHP” là quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt cho chăn nuôi lợn, gà, bò sữa an toàn tại Việt Nam.

- “Lợn nái ngoại sinh sản” là lợn nái sinh sản có 100% máu lợn ngoại (như Landrace, Yorkshire...) và các tổ hợp lai ngoại khác.

- “Phối giống bò bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo” là phương pháp phối giống bằng cách sử dụng tinh của bò đực giống (thuộc danh mục giống vật nuôi được phép sản xuất kinh doanh tại Việt Nam) thông qua việc sử dụng các trang thiết bị, dụng cụ, như: Súng bắn tinh, dẫn tinh quản... để phối tinh cho bò cái, không trực tiếp đưa bò đực phối với bò cái.

- “Bò cái lai 50% máu Zêbu” là bò cái lai (nội - ngoại), được sinh ra từ mẹ là giống bò vàng Việt Nam và bố là giống bò nhóm Zêbu (100% máu Zêbu).

- “Gỗ MDF, ghép thanh” là các loại gỗ nhân tạo sử dụng nguyên liệu gỗ rừng trồng thông qua quá trình ép sợi gỗ xay nhuyễn đã trộn keo hoặc xử lý hấp, sấy trên dây chuyền công nghệ tiên tiến, thiết bị hiện đại, gỗ được cưa, bào, phay, ghép, ép, chà và sơn phủ trang trí.

- “Chuyển hóa rừng trồng gỗ nhỏ sang gỗ lớn” là sử dụng các biện pháp kỹ thuật lâm sinh như tỉa thưa, điều chỉnh mật độ, nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ rừng trồng... kéo dài chu kỳ kinh doanh rừng trồng từ 6-7 năm đến trên 10 năm để cung cấp gỗ lớn.

- “Giống cá bố mẹ” là giống cá đảm bảo chất lượng theo các tiêu chuẩn kỹ thuật đối với cá bố mẹ nước ngọt (Tiêu chuẩn ngành số 28TCN 131:1998) để sinh sản ra cá giống phục vụ cho nhu cầu người nuôi.

- “Nuôi tôm quảng canh, quảng canh cải tiến” là hình thức nuôi có độ sâu nước nuôi thường nhỏ hơn 01m; mật độ thả thưa dưới 20 con/m² đối với tôm sú, dưới 60 con/m² đối với tôm thẻ chân trắng.

- “Nuôi tôm thâm canh” là hình thức nuôi có độ sâu nước nuôi từ 1,5 đến 2m; mật độ thả nuôi thường trên 20 con/m² đối với tôm sú, trên 60 con/m² đối với tôm thẻ chân trắng; có sử dụng sục khí hay quạt nước, thay nước chủ động, quản lý chăm sóc nghiêm ngặt.

- “Cải hoán tàu cá” là thay đổi kết cấu hoặc thay đổi công suất máy tàu làm thay đổi tính năng hoạt động của tàu.

Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ

- Ngoài chính sách hỗ trợ tại Quy định này, các đối tượng được hưởng các chính sách hỗ trợ theo các văn bản quy định của Trung ương và của tỉnh còn hiệu lực. Trường hợp các văn bản có cùng nội dung hỗ trợ thì được hưởng mức hỗ trợ cao nhất.

- Chính sách được hỗ trợ một lần (trừ một số nội dung hỗ trợ được quy định tại các điều, khoản cụ thể) khi chưa có nguồn chính sách, chương trình, dự án khác hỗ trợ và khi hoàn thành, đưa vào hoạt động.

- Quản lý, sử dụng kinh phí đúng đối tượng, mục đích, đảm bảo hiệu quả, theo đúng quy định quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Ngân sách tỉnh và bố trí lồng ghép các nguồn vốn (Chương trình mục tiêu quốc gia, nguồn kinh phí sự nghiệp, nguồn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách

Trung ương, kinh phí phát triển kinh tế tập thể và các nguồn vốn hợp pháp khác) đảm bảo 90% cho thực hiện chính sách nông nghiệp, nông thôn.

Riêng hỗ trợ kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng đối với cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung có công suất từ 30 con gia súc hoặc 500 con gia cầm trở lên/ngày đêm, ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ 50%, cấp huyện hỗ trợ 50%.

2. Ngân sách huyện, thành phố, thị xã (gọi chung là ngân sách cấp huyện) đảm bảo mức 10% cho thực hiện chính sách nông nghiệp, nông thôn hàng năm.

3. Kinh phí quản lý, chỉ đạo, kiểm tra nghiệm thu: Thuộc ngân sách cấp nào thì do ngân sách cấp đó tự đảm bảo; mức chi do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định phù hợp với tính chất từng đợt kiểm tra cụ thể, nhưng tối đa 2% tổng kinh phí ngân sách các cấp hỗ trợ.

4. Quy trình hỗ trợ:

- Đối với các đối tượng được hỗ trợ là doanh nghiệp: Tỉnh kiểm tra và cấp kinh phí hỗ trợ trực tiếp.

- Đối với các đối tượng được hỗ trợ là hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình, cá nhân: Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm kiểm tra, nghiệm thu, ban hành quyết định phân bổ, báo cáo kết quả thực hiện cho UBND tỉnh, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; trên cơ sở đó, tỉnh cấp ứng qua ngân sách cấp huyện 70% kinh phí, số còn lại được cấp bổ sung sau khi UBND cấp huyện có báo cáo quyết toán các nội dung được hỗ trợ. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ngành liên quan kiểm tra, trường hợp phát hiện việc hỗ trợ sai đối tượng, mục đích, mức hỗ trợ, thì UBND cấp huyện chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, thu hồi số kinh phí đã chi sai quy định và tự đảm bảo 30% số kinh phí còn lại để chi trả cho các đối tượng trên địa bàn.

- Đối với các nội dung do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị thuộc Sở thực hiện, kinh phí được cấp cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo kế hoạch và thực tế thực hiện.

Phần II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Chương I

CHÍNH SÁCH CHUNG

Điều 4. Về đất đai, mặt nước, giải phóng mặt bằng

1. Các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn được hưởng ở mức tối đa các ưu đãi về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuê mặt nước theo các quy định hiện hành.

2. Khuyến khích nhà đầu tư tự bỏ vốn thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng, kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng sẽ được khấu trừ vào tiền giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất theo quy định.

Riêng đối với các cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung có công suất từ 30 con gia súc hoặc 500 con gia cầm trở lên/ngày đêm, được hỗ trợ 100% kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng.

Điều 5. Về đầu tư cơ sở hạ tầng ngoài hàng rào

1. Các cơ sở: Chăn nuôi, nuôi tôm trên cát, nuôi tôm ao đất, làng nghề, chế biến theo quy hoạch được duyệt (ngoài các cơ sở chế biến đáp ứng đủ điều kiện theo Quyết định số 37/2013/QĐ-UBND ngày 27 tháng 8 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định chính sách hỗ trợ phát triển thương mại nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh), có doanh thu tối thiểu 5 tỷ đồng/năm (theo dự án hoặc phương án được duyệt); vùng sản xuất rau củ quả trên cát ven biển công nghệ cao có quy mô 10 ha trở lên, trên đất bãi bồi có quy mô 5 ha trở lên; vùng chăn nuôi tập trung theo quy hoạch có 5 hộ trở lên và có tổng doanh thu tối thiểu 5 tỷ đồng/năm; vùng chuyển đổi từ nuôi tôm quảng canh, quảng canh cải tiến sang nuôi tôm thâm canh có quy mô 5 ha/vùng trở lên và 5 hộ tham gia sản xuất trở lên, được ngân sách hỗ trợ xây dựng hạ tầng ngoài hàng rào như sau:

a) Đường giao thông: Được ưu tiên lồng ghép các dự án; trường hợp cơ sở, địa phương tự bỏ vốn đầu tư được hỗ trợ: 50% kinh phí, tối đa 150 triệu đồng/cơ sở; 70% kinh phí, tối đa: 250 triệu đồng/vùng sản xuất rau củ quả, 750 triệu đồng/vùng chăn nuôi tập trung, 500 triệu đồng/vùng nuôi tôm.

b) Đường điện: Được ưu tiên lồng ghép các dự án đường điện 3 pha vào khu sản xuất; trường hợp cơ sở, địa phương tự bỏ vốn đầu tư xây dựng được hỗ trợ: 50% kinh phí, tối đa 250 triệu đồng/cơ sở; 70% kinh phí, tối đa: 750 triệu đồng/vùng sản xuất rau củ quả, vùng nuôi tôm, 1.250 triệu đồng/vùng chăn nuôi tập trung.

c) Nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt: Được ưu tiên lồng ghép các dự án đầu tư; trường hợp cơ sở, địa phương tự bỏ vốn đầu tư xây dựng được hỗ trợ: 50% kinh phí, tối đa 50 triệu đồng/cơ sở; 70% kinh phí, tối đa: 250 triệu đồng/vùng chăn nuôi tập trung, 150 triệu đồng/vùng nuôi tôm.

d) Hệ thống công trình xử lý môi trường: Được hỗ trợ 70% kinh phí, nhưng tối đa: 250 triệu đồng/vùng chăn nuôi tập trung, 100 triệu đồng/vùng nuôi tôm và 50 triệu đồng/cơ sở.

Đối với các vùng nêu trên, khuyến khích cộng đồng tự tổ chức thực hiện, kinh phí hỗ trợ cấp qua UBND cấp xã, doanh nghiệp chủ đầu mối liên kết.

2. Đối với các cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung có công suất từ 30 con gia súc hoặc 500 con gia cầm trở lên/ngày đêm được ưu tiên lồng ghép các dự án đầu tư; trường hợp tự bỏ vốn được hỗ trợ 50% kinh phí đầu tư xây dựng đường giao thông, điện, nước, xử lý môi trường đến hàng rào cơ sở, tối đa 200 triệu đồng/cơ sở.

Điều 6. Về củng cố và phát triển các loại hình tổ chức sản xuất

1. Hỗ trợ thành lập mới

a) Hợp tác xã thành lập mới (sau 01 năm thành lập và có định hướng hoạt động hiệu quả, do UBND cấp xã xác nhận), được hỗ trợ 01 lần với mức 20 triệu đồng/HTX.

b) Tổ hợp tác thành lập mới (có từ 10 cá nhân trở lên tham gia, có liên kết sản xuất, kinh doanh với doanh nghiệp), được ngân sách hỗ trợ 01 lần với mức 07 triệu đồng/THT. Riêng Tổ hợp tác khai thác thủy sản được hỗ trợ 30 triệu đồng/THT.

c) Hiệp hội (của các cơ sở sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp) thành lập mới được hỗ trợ 01 lần với mức 20 triệu đồng/hiệp hội. Riêng Nghiệp đoàn nghề cá có từ 200 đoàn viên trở lên, được hỗ trợ với mức 100 triệu đồng/nghiệp đoàn.

2. Hỗ trợ đào tạo, tập huấn cán bộ HTX

a) Các thành viên Ban quản trị, Ban kiểm soát, kế toán, cán bộ chuyên môn, kỹ thuật, kinh doanh được hỗ trợ đào tạo, tập huấn ngắn hạn, mức hỗ trợ theo quy định hiện hành của Nhà nước.

b) Hỗ trợ 100% học phí đào tạo nâng cao trình độ cho các chức danh Ban quản trị, Ban kiểm soát, kế toán trưởng, cán bộ làm công tác chuyên môn nghiệp vụ đương nhiệm. Các đối tượng quy định tại khoản này có cam kết bằng văn bản làm việc cho hợp tác xã ít nhất 5 năm sau khi tốt nghiệp, trường hợp không thực hiện đúng cam kết thì phải bồi thường toàn bộ kinh phí đã được hỗ trợ.

Điều 7. Hỗ trợ xây dựng vườn mẫu, khu dân cư kiểu mẫu, môi trường nông thôn

Các xã đăng ký về đích xây dựng nông thôn mới trong năm hiện tại theo Quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh, được hỗ trợ:

1. Kinh phí xây dựng mô hình mẫu phát triển kinh tế vườn hộ (vườn có diện tích tối thiểu 2.000 m², hộ gia đình xây dựng phương án gửi phòng chuyên môn huyện, thành phố, thị xã cho ý kiến và được Ủy ban nhân dân xã phê duyệt), mức hỗ trợ 20 triệu đồng/vườn, tối đa 10 vườn/xã.

2. Kinh phí xây dựng khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu theo bộ tiêu chí do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định, mức hỗ trợ 300 triệu đồng/khu, 01 khu/xã.

3. Hỗ trợ xây dựng công trình xử lý rác thải có quy mô đảm bảo phục vụ ít nhất 01 xã, sử dụng quy trình công nghệ tiên tiến (riêng đối với công nghệ lò đốt phải có ý kiến thống nhất của Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài nguyên và Môi trường), mức hỗ trợ 50% tổng giá trị công trình, tối đa 1.500 triệu đồng/công trình (có dự toán được cấp thẩm quyền phê duyệt).

Điều 8. Hỗ trợ lãi suất vay vốn

Các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn được hỗ trợ lãi suất vay vốn theo quy định tại Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định thực hiện hỗ trợ lãi suất vay vốn tại các tổ chức tín dụng

để phát triển sản xuất từ nguồn vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 9. Các dự án ưu tiên đầu tư

Danh mục các dự án theo thứ tự ưu tiên đầu tư:

1. Các dự án giống:
 - 1.1. Dự án xây dựng cơ sở lợn giống cấp ông bà, bố mẹ
 - 1.2. Dự án xây dựng Nhà máy chế biến hạt giống lúa
 - 1.3. Dự án xây dựng Trung tâm bò giống chất lượng cao (100% máu ngoại)
 - 1.4. Dự án xây dựng Cơ sở sản xuất tôm giống chất lượng cao
 - 1.5. Dự án xây dựng Trung tâm hươu giống
2. Các dự án chế biến sản phẩm nông nghiệp hàng hóa chủ lực:
 - 2.1. Dự án xây dựng Nhà máy bảo quản, chế biến rau, củ, quả
 - 2.2. Dự án Chăn nuôi liên kết bò thịt chất lượng cao
 - 2.3. Dự án xây dựng Nhà máy chế biến sâu sản phẩm nhung hươu
 - 2.4. Dự án xây dựng Nhà máy chế biến thủy sản xuất khẩu
 - 2.5. Dự án xây dựng Nhà máy xay xát lúa gạo xuất khẩu
 - 2.6. Dự án xây dựng Nhà máy chế biến dầu lạc
 - 2.7. Dự án xây dựng Nhà máy chế biến chè
 - 2.8. Dự án xây dựng Nhà máy sản xuất gỗ MDF
 - 2.9. Dự án xây dựng cơ sở nuôi tôm công nghệ cao.

Các dự án trên được hưởng chính sách theo Nghị định 210/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Quyết định 07/2012/QĐ-UBND ngày 21 tháng 3 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh và các chính sách khác hiện hành. Ngoài các chính sách trên, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định một số ưu đãi và mức hỗ trợ phù hợp với khả năng ngân sách của tỉnh (sau khi có ý kiến thống nhất của Thường trực của Hội đồng nhân dân tỉnh).

Chương II

CHÍNH SÁCH RIÊNG THEO CHUYÊN NGÀNH

Mục 1

TRỒNG TRỌT

. Rau, củ, quả ứng dụng công nghệ cao

Các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất rau, củ, quả ứng dụng công nghệ cao trên vùng đất cát ven biển theo quy hoạch, vùng bãi bồi, quy mô tối thiểu 05 ha

trở lên (danh mục rau, củ, quả được cơ cấu theo Đề án sản xuất hàng vụ do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành), được hỗ trợ:

1. Hỗ trợ 100% kinh phí mua giống, thuốc bảo vệ thực vật trên diện tích trồng thuần cho vụ sản xuất đầu tiên; 50% kinh phí mua giống, 100% kinh phí mua thuốc bảo vệ thực vật từ vụ sản xuất thứ 2 trở đi theo quy trình kỹ thuật do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành (thuốc bảo vệ thực vật trong danh mục được phép sử dụng trên rau, củ, quả). Kinh phí được cấp qua doanh nghiệp chủ đầu mối liên kết sản xuất để tổ chức thực hiện.

2. Hỗ trợ 100% kinh phí tập huấn, chuyển giao, ứng dụng quy trình, công nghệ sản xuất rau, củ, quả cho cán bộ kỹ thuật và người trực tiếp sản xuất, tối đa 7,5 triệu đồng/ha (kinh phí cấp qua Chi cục Bảo vệ thực vật tổ chức thực hiện).

3. Hỗ trợ san lấp, làm phẳng mặt bằng; hệ thống tưới, tiêu phục vụ sản xuất.

a) San lấp, làm phẳng mặt bằng lần đầu (bao gồm: San lấp, đào mương thoát, làm phẳng mặt bằng, đào hồ chứa nước hoặc giếng nước...): Hỗ trợ 30% kinh phí đối với doanh nghiệp, 50% kinh phí đối với Hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình, với định mức đầu tư để làm căn cứ tính mức hỗ trợ là 70 triệu đồng/ha.

b) Đầu tư xây dựng lần đầu hệ thống tưới, tiêu theo thiết kế mẫu: Hỗ trợ 30% kinh phí đối với doanh nghiệp, 50% kinh phí đối với Hợp tác xã, Tổ hợp tác, hộ gia đình, với định mức đầu tư để làm căn cứ tính mức hỗ trợ là 120 triệu đồng/ha.

4. Hỗ trợ chứng nhận VietGAP.

a) Hỗ trợ kinh phí lần đầu thuê tổ chức đánh giá cấp giấy chứng nhận cơ sở sản xuất rau an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP với mức 50 triệu đồng/cơ sở được cấp giấy chứng nhận.

b) Hỗ trợ 100% chi phí lấy mẫu, kiểm tra, giám sát an toàn thực phẩm rau, củ, quả theo quy định (do Sở Nông nghiệp và PTNT tổ chức thực hiện).

Điều 11. Lúa

1. Sản xuất giống

Các doanh nghiệp sản xuất giống trong tỉnh được hỗ trợ 30% kinh phí mua bản quyền giống mới phù hợp với cơ cấu giống của tỉnh, mức hỗ trợ tối đa 3.000 triệu đồng/01 giống lúa lai, 1.000 triệu đồng/01 giống lúa thuần.

2. Chuyển đổi đất lúa kém hiệu quả.

Các tổ chức, cá nhân chuyển đổi đất lúa kém hiệu quả sang trồng cây trồng khác và nuôi trồng thủy sản có hiệu quả kinh tế cao hơn, với quy mô vùng từ 01 ha liền kề trở lên được cấp có thẩm quyền cho phép chuyển đổi, được hỗ trợ một lần cho vụ sản xuất đầu tiên:

a) Chuyển đổi sang cây trồng khác: Hỗ trợ 100% kinh phí mua giống và 30% kinh phí mua phân bón.

b) Chuyển đổi sang nuôi trồng thủy sản: Hỗ trợ 20 triệu đồng/ha, tối đa 100 triệu đồng/tổ chức, cá nhân.

3. Các cơ sở chế biến (rượu, bún, bánh), kinh doanh lúa gạo trên địa bàn tỉnh (ngoài đối tượng được hưởng theo quy định tại Quyết định 62/2013/QĐ-TTg ngày 25 tháng 10 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ), có hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa thương phẩm với hộ nông dân (có biên bản giao nhận giống được UBND cấp xã nơi sản xuất xác nhận), với tổng diện tích tối thiểu 50 ha/năm hoặc lượng thu mua tối thiểu 200 tấn/năm, được hỗ trợ 50% kinh phí mua giống (giống cấp xác nhận theo bộ giống cơ cấu của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) để xây dựng vùng nguyên liệu.

Điều 12. Lạc

a) Hỗ trợ 100% kinh phí du nhập, khảo nghiệm các giống lạc mới, tối đa 300 triệu đồng/năm.

b) Các tổ chức, cá nhân có hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm lạc với hộ nông dân (có biên bản giao nhận giống được UBND cấp xã nơi sản xuất xác nhận), với tổng diện tích tối thiểu 100 ha/năm hoặc lượng thu mua tối thiểu 200 tấn/năm, được hỗ trợ 30% kinh phí mua giống để xây dựng vùng nguyên liệu.

Điều 13. Cam bù, cam chanh, bưởi Phúc Trạch

1. Hỗ trợ công tác giống

a) Hỗ trợ 100% kinh phí bình tuyển cây đầu dòng cam bù, cam chanh, bưởi Phúc Trạch, tối đa 300 triệu đồng/loại cây (do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thực hiện).

b) Hỗ trợ tổ chức, cá nhân kinh phí quản lý, chăm sóc, bảo vệ, theo dõi cây đầu dòng cam bù, cam chanh, bưởi Phúc Trạch, với mức 01 triệu đồng/cây/năm.

c) Hỗ trợ 50% kinh phí xây dựng nhà lưới quy chuẩn cho các tổ chức, cá nhân sản xuất giống cây cam bù, cam chanh, bưởi Phúc Trạch, lấy mắt ghép từ các vườn cây đạt tiêu chuẩn theo quy định và được Ủy ban nhân cấp huyện xác nhận, tối đa 300 triệu đồng/nhà lưới/cơ sở.

2. Hỗ trợ sản xuất, chuyển giao kỹ thuật

a) Hỗ trợ kinh phí phá bỏ vườn cây cam bù đã cho thu hoạch bị nhiễm bệnh Greening, với mức 70.000 đồng/cây.

b) Hỗ trợ 10.000 đồng/cây cho tổ chức, cá nhân trồng mới cây cam bù, cam chanh, bưởi Phúc Trạch, có quy mô tập trung từ 50 cây trở lên (định mức 50 cây/1000m² đối với cam bù, cam chanh; 40 cây/1000m² đối với bưởi Phúc Trạch), cây giống phải được mua từ các vườn ươm đạt tiêu chuẩn theo quy định và được Ủy ban nhân dân cấp huyện xác nhận.

c) Hỗ trợ tập huấn, chuyển giao các giải pháp về giống, kỹ thuật để tạo sự đồng nhất về chất lượng sản phẩm cam bù, cam chanh, bưởi Phúc Trạch (gồm cả chuyển giao kỹ thuật thụ phấn bổ sung): Cam bù 200 triệu đồng/năm (do UBND huyện Hương Sơn, Vũ Quang thực hiện), cam chanh 200 triệu đồng/năm (do Chi

cục Bảo vệ thực vật thực hiện), buổi Phúc Trạch 150 triệu đồng/năm (do UBND huyện Hương Khê thực hiện).

3. Hỗ trợ chứng nhận tiêu chuẩn VietGAP

Các tổ chức, cá nhân có hợp đồng thu mua sản phẩm từ đầu vụ với các hộ dân, lượng thu mua tối thiểu 100 tấn/năm, được hỗ trợ một lần 100% kinh phí chứng nhận sản xuất đạt tiêu chuẩn VietGAP đối với vùng sản xuất liên kết, với mức 80 triệu đồng/vùng.

Điều 14. Nấm

1. Hỗ trợ kinh phí mua giống nấm: Các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng mới hoặc mở rộng quy mô sản xuất tối thiểu đạt 5.000 bịch nấm/lúa hoặc 200m² được hỗ trợ 20% tiền bịch giống (đối với giống nấm đóng bịch) hoặc 30kg giống/100m² (đối với nấm giống không đóng bịch).

2. Hỗ trợ kinh phí làm lán trại sản xuất nấm.

a) Đối với hộ gia đình sản xuất nấm có quy mô 200m² lán trại tập trung trở lên được hỗ trợ một lần với mức 35.000 đồng/01m² diện tích lán trại cố định, tối đa 10 triệu đồng/hộ.

b) Đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất nấm tập trung có quy mô 1.000m² lán trại trở lên và sản xuất được tối thiểu 20 tấn nấm tươi các loại/năm được hỗ trợ một lần với mức 30 triệu đồng cho một đơn vị sản xuất.

3. Hỗ trợ kinh phí mua máy móc thiết bị sản xuất giống, chế biến.

a) Các tổ chức, cá nhân đầu tư thiết bị, máy móc để sản xuất nấm giống có công suất đóng bịch bình quân từ 1.000 bịch giống/ngày hoặc từ 200kg giống sản xuất bình quân/ngày trở lên thì được hỗ trợ một lần bằng 30% chi phí mua máy móc thiết bị, tối đa 30 triệu đồng/cơ sở. Trường hợp quy mô trên 2.000 bịch giống/ngày hoặc 400 kg giống bình quân/ngày, được hỗ trợ một lần, tối đa 60 triệu đồng/cơ sở.

b) Các tổ chức, cá nhân đầu tư mua máy móc, thiết bị để chế biến nấm có công suất chế biến từ 50 tấn đến dưới 75 tấn nấm tươi/năm, được hỗ trợ một lần bằng 30% chi phí mua máy móc thiết bị, tối đa 30 triệu đồng/cơ sở. Trường hợp công suất chế biến trên 75 tấn nấm tươi/năm, được hỗ trợ một lần, tối đa 60 triệu đồng/cơ sở.

Điều 15. Chè

Các tổ chức, cá nhân đầu tư trồng chè công nghiệp được ngân sách hỗ trợ:

1. Hỗ trợ kinh phí khai hoang với mức 08 triệu đồng/ha, phục hóa với mức 05 triệu đồng/ha.

2. Hỗ trợ giá giống chè mức 1.000 đồng/bầu đối với các giống chè dân canh năng suất, chất lượng cao, không quá 18.000 bầu/ha.

Điều 16. Sản xuất cánh đồng lớn

Các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất theo cánh đồng lớn được hưởng chính sách theo Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25 tháng 10 năm 2013

của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn, Thông tư số 15/2014/TT-BNNPTNT ngày 29 tháng 4 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về hướng dẫn thực hiện một số điều tại Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg.

Điều 17. Cơ giới hóa trong nông nghiệp, sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP

1. Hỗ trợ một lần kinh phí mua máy làm đất, máy gặt đập liên hợp cho các hợp tác xã, tổ hợp tác dịch vụ nông nghiệp, mức hỗ trợ 40% kinh phí mua máy, tối đa 400 triệu đồng/máy.

2. Tổ chức, cá nhân đăng ký sản xuất rau đạt tiêu chuẩn VietGAP, với quy mô tối thiểu 02 ha/vùng (trừ rau, củ, quả công nghệ cao), sau khi có phương án được UBND cấp xã phê duyệt (có ý kiến thống nhất của UBND cấp huyện), được hỗ trợ 150 triệu đồng/vùng.

Mục 2 CHĂN NUÔI

Điều 18. Lợn

1. Cơ sở chăn nuôi lợn giống ngoại sinh sản cấp ông bà và cấp bố mẹ, có quy mô tập trung từ 300 nái trở lên (trong vùng quy hoạch được UBND tỉnh phê duyệt):

a) Hỗ trợ một lần kinh phí lập quy hoạch chi tiết, xây dựng hạ tầng về chuồng trại, hệ thống nước, xử lý chất thải, báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc cam kết bảo vệ môi trường, mức hỗ trợ: 7 triệu đồng/nái ông bà; 5 triệu đồng/nái bố mẹ, riêng cơ sở nái bố mẹ cung ứng giống thương phẩm cho liên kết chăn nuôi quy mô vừa và nhỏ được hỗ trợ thêm 50 ngàn đồng/con lợn giống xuất bán hàng năm. Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, hoặc liên kết với các doanh nghiệp nước ngoài phải có cam kết việc liên kết với hợp tác xã, tổ hợp tác chăn nuôi quy mô vừa và nhỏ, đồng thời hợp đồng tiêu thụ sản phẩm cho người chăn nuôi và đáp ứng các quy định của UBND tỉnh.

Trường hợp cơ sở lợn giống ngoại sinh sản cấp ông bà và cấp bố mẹ có quy mô tập trung từ 300 nái trở lên đã được hưởng chính sách, tiếp tục mở rộng quy mô thêm 100 nái trở lên, được hỗ trợ 50% theo các mức hỗ trợ nêu trên cho số nái tăng thêm.

b) Hỗ trợ 120.000 đồng/nái/năm để mua các loại vắc xin, thuốc phòng chữa bệnh và hóa chất tiêu độc khử trùng.

c) Hỗ trợ một lần với mức 30 triệu đồng/cơ sở để xét nghiệm, chỉ đạo, quản lý và thẩm định cho cơ sở sản xuất giống xây dựng cơ sở an toàn dịch bệnh động vật theo Quyết định 66/2008/QĐ-BNN ngày 26 tháng 5 năm 2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Hỗ trợ kinh phí nuôi giữ giống gốc.

Tổ chức, cá nhân đủ điều kiện sản xuất giống theo quy định tại Khoản 1, Điều 19 của Pháp lệnh giống vật nuôi, đảm bảo các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật theo Quyết định số 2489/QĐ-BNN ngày 16 tháng 9 năm 2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và cung ứng giống cấp bố mẹ, ông bà trên địa bàn tỉnh, được hỗ trợ kinh phí theo quy định tại Thông tư Liên tịch số 148/2007/TTLT/BTC-BNN&PTNT ngày 13 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Chăn nuôi lợn thương phẩm.

a) Cơ sở chăn nuôi lợn thịt được hỗ trợ một lần kinh phí xây dựng quy hoạch chi tiết, xây dựng cơ sở hạ tầng về chuồng trại, hệ thống nước, xử lý chất thải, báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc cam kết bảo vệ môi trường, với mức: 240 triệu đồng/cơ sở với quy mô từ 500 đến dưới 1000 con, 360 triệu đồng/cơ sở với quy mô trên 1.000 con.

Trường hợp cơ sở lợn thịt có quy mô 500 con trở lên đã được hưởng chính sách, tiếp tục mở rộng thêm 500 con trở lên, được hỗ trợ 120 triệu đồng/cơ sở.

b) Hộ chăn nuôi lợn liên kết quy mô vừa và nhỏ, áp dụng mô hình quy chuẩn, được hỗ trợ kinh phí xây dựng chuồng trại, với mức: 750.000 đồng/con với quy mô từ 20 đến 50 con, 500.000 đồng/con với quy mô từ 51 đến 100 con, 400.000 đồng/con với quy mô từ 101 con đến dưới 500 con.

c) Hỗ trợ kinh phí lần đầu thuê tổ chức đánh giá cấp giấy chứng nhận cơ sở chăn nuôi lợn thịt có quy mô từ 500 con trở lên đạt tiêu chuẩn VietGAHP, mức hỗ trợ 70 triệu đồng/cơ sở.

Điều 19. Bò

1. Sản xuất bò lai Zêbu, bò chất lượng cao.

Người chăn nuôi bò cái sinh sản phối giống bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo với tinh bò nhóm Zêbu, bò chất lượng cao, được hỗ trợ:

a) 100% kinh phí mua tinh và vật tư phối giống theo quy định.

b) Tiền công phối giống: 20.000 đồng/bò có chữa với tinh bò nhóm Zê bu, 30.000 đồng/bò có chữa với tinh bò chất lượng cao.

c) Chi phí đánh giá, nghiệm thu: 50.000 đồng/bò có chữa (Trung tâm Khuyến nông tỉnh: 20.000 đồng, Trung tâm Ứng dụng Khoa học kỹ thuật và Bảo vệ cây trồng, vật nuôi cấp huyện: 30.000 đồng).

2. Công tác thụ tinh nhân tạo (trâu, bò).

a) Đào tạo dẫn tinh viên: Người có trình độ từ Trung cấp chăn nuôi hoặc chăn nuôi - thú y trở lên, tuổi đời dưới 45, do Ủy ban nhân dân cấp xã cử đi học (có cam kết phục vụ tại địa phương từ 05 năm trở lên), được hỗ trợ kinh phí 08 triệu đồng/người.

b) Hỗ trợ kinh phí mua bình đựng và bảo quản tinh cấp phát cho các điểm chuyển giao, mỗi huyện 02 bình (loại 35 lít/bình), mức hỗ trợ tối đa 17 triệu đồng/bình.

c) Hỗ trợ kinh phí mua dụng cụ cấp cho dẫn tinh viên (gồm: Bình đựng ni tơ loại 3,15 lít/bình, súng bắn tinh), mức hỗ trợ tối đa 07 triệu đồng/bộ dụng cụ.

Kinh phí được cấp qua Trung tâm Khuyến nông tỉnh để chủ động tổ chức thực hiện Khoản 1, Khoản 2 Điều này.

3. Chăn nuôi bò sữa.

Hộ chăn nuôi bò sữa liên kết với doanh nghiệp có quy mô từ 03 con trở lên, được hỗ trợ 6 triệu đồng/con để xây dựng chuồng trại, mua con giống, trồng cỏ, xử lý môi trường.

Điều 20. Hươu

Tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng mới cơ sở chăn nuôi hươu có quy mô 10 con trở lên, được hỗ trợ mua hươu giống với mức 10 triệu đồng/tổ chức, cá nhân.

Điều 21. Gà

1. Chăn nuôi gà giống.

Xây dựng mới cơ sở chăn nuôi gà giống cấp bố mẹ trở lên, có quy mô tối thiểu 10.000 con, cung cấp giống cho các hộ chăn nuôi gà thương phẩm trong tỉnh, được hỗ trợ xây dựng quy hoạch chi tiết, chuồng trại, xử lý chất thải, bảo vệ môi trường, với mức 300 triệu đồng/cơ sở.

2. Chăn nuôi gà thương phẩm.

Hộ chăn nuôi gà thả vườn đồi, trên đất cát ven biển, quy mô từ 1.000 con trở lên (sử dụng giống gà địa phương, không tính gà dưới 7 ngày tuổi), được hỗ trợ 10 triệu đồng/hộ để xây dựng chuồng trại, xử lý chất thải, mua con giống.

3. Hỗ trợ kinh phí lần đầu thuê tổ chức chứng nhận đánh giá cấp giấy chứng nhận cơ sở chăn nuôi gà có quy mô tối thiểu 5.000 con đạt tiêu chuẩn VietGAHP, mức hỗ trợ 70 triệu đồng/cơ sở.

Điều 22. Công tác Thú y

1. Các xã, phường, thị trấn xây dựng cơ sở an toàn dịch bệnh động vật theo quy định tại Quyết định số 66/2008/QĐ-BNN ngày 26 tháng 5 năm 2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, được hỗ trợ 100 triệu đồng/xã, phường, thị trấn để mua sắm tủ thuốc thú y, xét nghiệm.

2. Hàng năm ngân sách tỉnh trích ít nhất 03 tỷ đồng để luôn luôn dự trữ vắc xin các loại dịch bệnh nguy hiểm và hóa chất để chủ động xử lý khi dịch xảy ra.

3. Hỗ trợ 100% kinh phí mua hóa chất để xử lý dập dịch đối với dịch bệnh thủy sản nguy hiểm ở thời điểm ngăn chặn không để dịch lây lan ra diện rộng (danh mục các bệnh thủy sản nguy hiểm được quy định tại Thông tư số

38/2012/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 8 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và PTNT). Kinh phí được cấp qua Chi cục Thú y để chủ động tổ chức thực hiện.

Điều 23. Cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm.

1. Hỗ trợ một lần đối với cơ sở xây dựng mới nhà xưởng, hệ thống xử lý chất thải, mua sắm thiết bị giết mổ, với mức: 250 triệu đồng đối với cơ sở có công suất từ 30 con đến dưới 70 con gia súc hoặc 500 con gia cầm trở lên/ngày đêm; 350 triệu đồng đối với cơ sở có công suất từ 70 con gia súc trở lên/ngày đêm.

2. Các cơ sở giết mổ tập trung xây dựng trước năm 2014 sau khi cải tạo, sửa chữa, nâng cấp, mở rộng, có công suất từ 70 con gia súc trở lên/ngày đêm, được hỗ trợ 50% mức hỗ trợ quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Hỗ trợ 100 triệu đồng đối với cơ sở phải đánh giá tác động môi trường, 20 triệu đồng đối với cơ sở phải cam kết bảo vệ môi trường.

Mục 3

LÂM NGHIỆP

Điều 24. Gỗ nguyên liệu rừng trồng

1. Tổ chức, cá nhân trồng rừng sản xuất thâm canh gỗ lớn (bằng các loại Keo chu kỳ kinh doanh 10 năm trở lên) theo quy hoạch, thông qua liên kết với các doanh nghiệp từ khâu trồng đến tiêu thụ; trồng rừng bằng cây giống sản xuất từ nuôi cấy mô tế bào; cây bản địa (Lim xanh, Còng trắng, Re hương, Giổi, Dó trăm, Lát hoa); với quy mô từ 02 ha trở lên, được hỗ trợ 6 triệu đồng/ha/chu kỳ, tối đa 120 triệu đồng/hộ gia đình, 300 triệu đồng/tổ chức.

2. Doanh nghiệp có liên kết với các hộ gia đình, cá nhân trồng rừng nguyên liệu gỗ lớn từ khâu trồng đến tiêu thụ sản phẩm, được hỗ trợ: Kinh phí khảo sát, lập hồ sơ thiết kế, hợp đồng liên kết, với mức 300.000 đồng/hộ; hỗ trợ một lần chi phí cấp giấy chứng chỉ rừng bền vững (FSC), với mức 200.000 đồng/ha.

3. Hỗ trợ các tổ chức, cá nhân có rừng trồng đủ điều kiện chuyển hoá rừng nguyên liệu gỗ nhỏ sang sản xuất kinh doanh rừng gỗ lớn (chu kỳ kinh doanh từ 10 năm trở lên) theo quy hoạch, quy mô vùng chuyển hoá từ 50 ha trở lên, mức hỗ trợ 2 triệu đồng/ha/chu kỳ, tối đa 300 triệu đồng.

Điều 25. Hỗ trợ nhà máy chế biến

Hỗ trợ các nhà máy chế biến trong quy hoạch, chủ yếu sử dụng nguyên liệu gỗ rừng trồng đầu tư nâng cấp, đổi mới công nghệ, thiết bị để chế biến gỗ MDF, ván ghép thanh, với công suất trên 30.000 m³ sản phẩm/năm, mức hỗ trợ bằng 30% giá trị thiết bị, tối đa 10 tỷ đồng/nhà máy.

Mục 4

THỦY SẢN

Điều 26. Nuôi trồng thủy sản

1. Cơ sở sản xuất giống tôm thẻ chân trắng với quy mô 500 triệu tôm giống/năm trở lên; ương dưỡng giống tôm thẻ chân trắng với quy mô 200 triệu tôm giống/năm trở lên (nằm trong vùng quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt), được hỗ trợ:

a) 50% kinh phí lập quy hoạch chi tiết (theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt), tối đa 100 triệu đồng/quy hoạch.

b) Hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng, mua sắm trang thiết bị với mức 3.000 triệu đồng/cơ sở sản xuất giống, 500 triệu đồng/cơ sở ương dưỡng giống.

2. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đầu tư xây dựng mới ao hồ nuôi tôm thâm canh hoặc nâng cấp từ nuôi tôm quảng canh, quảng canh cải tiến sang nuôi thâm canh có quy mô từ 01 ha trở lên, được ngân sách hỗ trợ 50% chi phí mua giống, thiết bị (quạt nước, máy bơm), tối đa 50 triệu đồng/cơ sở, hộ.

3. Tổ chức được UBND tỉnh giao nhiệm vụ sản xuất và cung ứng giống cá trên địa bàn tỉnh, có cơ cấu giống phù hợp, đảm bảo chất lượng, đạt tối thiểu 20 triệu cá bột/năm: Được hỗ trợ một lần bằng 50% kinh phí mua giống cá bố mẹ theo định mức; hỗ trợ mỗi năm 30% kinh phí mua thay thế giống cá bố mẹ theo quy định, tối đa 200 triệu đồng/năm/cơ sở.

4. Tổ chức, cá nhân nuôi trồng thủy sản bằng lồng có quy mô thể tích $90m^3$ trở lên (thể tích mỗi lồng ít nhất $15m^3$) được hỗ trợ một lần: 30 triệu đồng/tổ chức, cá nhân với nuôi trên sông, đập, hồ lớn; 60 triệu đồng/tổ chức, cá nhân với nuôi trên biển.

Điều 27. Khai thác thủy sản, hậu cần nghề cá

1. Đóng mới tàu cá; tàu dịch vụ hậu cần phục vụ hoạt động khai thác hải sản, được ngân sách hỗ trợ:

a) Đối với tàu công suất từ 400CV/chiếc trở lên, được hỗ trợ 600 triệu đồng/tàu, thời gian nhận hỗ trợ trong 2 năm, mỗi năm 300 triệu đồng.

b) Đối với tàu công suất từ 250CV đến dưới 400CV/chiếc, được hỗ trợ 400 triệu đồng/tàu, thời gian nhận hỗ trợ trong 2 năm, mỗi năm 200 triệu đồng.

c) Đối với tàu công suất từ 90CV đến dưới 250CV/chiếc, được hỗ trợ 200 triệu đồng/tàu, thời gian nhận hỗ trợ trong 2 năm, mỗi năm 100 triệu đồng.

2. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân cải hoán tàu khai thác hải sản có công suất nhỏ hơn 90 CV sang tàu có công suất từ 90 CV trở lên, được hỗ trợ 0,5 triệu đồng cho 01 CV tăng thêm.

3. Thuyền trưởng, máy trưởng và thuyền viên tàu cá được hỗ trợ 100% kinh phí đào tạo cấp chứng chỉ, tối đa 800 nghìn đồng/người.

4. Hỗ trợ 100% kinh phí: Mua 01 máy thông tin liên lạc tầm xa cho một tổ hợp tác, có tối thiểu 5 tàu công suất từ 90CV/tàu trở lên; 01 máy thông tin liên lạc tầm trung cho một tổ hợp tác, có tối thiểu 6 tàu công suất từ 40CV-90CV/tàu.

5. Xây dựng hầm bảo quản sản phẩm khi đóng mới tàu dịch vụ hậu cần phục vụ hoạt động khai thác hải sản có công suất từ 90 CV trở lên, theo công nghệ vật liệu PU (Polyurethane), được hỗ trợ 5 triệu đồng/m³, tối đa 150 triệu/tàu.

6. Xây dựng mới cơ sở sản xuất nước đá (tại khu vực cảng cá và cửa biển đã được quy hoạch cảng cá) phục vụ khai thác thủy sản, đảm bảo vệ sinh môi trường, được hỗ trợ 100 triệu đồng/cơ sở có công suất từ 10 tấn/mẻ đến dưới 20 tấn/mẻ, 200 triệu đồng/cơ sở có công suất từ 20 tấn/mẻ trở lên.

Mục 5

DIÊM NGHIỆP

Điều 28. Sản xuất muối sạch

1. Hỗ trợ 70% kinh phí kiên cố hóa kênh mương thủy lợi nội đồng.
2. Hộ diêm dân ứng dụng công nghệ mới trong sản xuất muối sạch, quy mô 250 m² trở lên (sử dụng tấm hấp thụ nhiệt, xây dựng chạt lọc cải tiến đảm bảo tiêu chuẩn quy định), được hỗ trợ 500 nghìn đồng/chạt, 20% kinh phí ứng dụng tấm hấp thụ nhiệt, tối đa 20 triệu đồng/hộ/năm.
3. Đối với diện tích chuyển đổi từ sản xuất muối sang nuôi tôm phù hợp với quy hoạch, được hỗ trợ 20 triệu đồng/ha chuyển đổi, tối đa 100 triệu đồng/cơ sở.

Phần III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 29. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã

1. Ủy ban nhân dân tỉnh:
 - a) Ban hành Quyết định để triển khai thực hiện; quy định về trình tự, thủ tục, hồ sơ thực hiện việc hỗ trợ; rà soát, bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật không phù hợp với nội dung Nghị quyết này.
 - b) Xây dựng dự toán nguồn kinh phí thực hiện chính sách, tổng hợp vào dự toán ngân sách nhà nước hàng năm, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.
 - c) Kiểm tra việc thực hiện chính sách; phát hiện và đề xuất những chính sách cần sửa đổi, bổ sung phù hợp với thực tiễn trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.
 - d) Chỉ đạo các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã cân đối, bố trí các nguồn vốn từ ngân sách theo kế hoạch hàng năm để các chính sách được tổ chức thực hiện đầy đủ, có hiệu quả.

2. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã:

- a) Tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân theo quy định này, đảm bảo các chính sách được thực hiện đúng phạm vi, đối tượng và hiệu quả, góp phần phát triển kinh tế xã hội theo đúng mục tiêu kế hoạch đề ra.

b) Thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra việc sử dụng kinh phí hỗ trợ của các tổ chức và cá nhân theo quy định hiện hành. Đề xuất giải pháp khắc phục những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 30. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh được nhà nước hỗ trợ kinh phí

Tổ chức thực hiện sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật. Quản lý, sử dụng kinh phí được hỗ trợ đảm bảo đúng mục đích, hiệu quả và thanh toán, quyết toán theo đúng quy định hiện hành./.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Bình